UBND TỈNH NINH THUẬN **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:2561 /KL-STC	*Ninh Thuận, ngày 29 tháng 7 năm 2022*

KẾT LUẬN THANH TRA
Tình hình quản lý, sử dụng nguồn ngân sách và nguồn thu khác tại Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Thuận Nam, năm 2020 và 2021

Thực hiện Quyết định số 35/QĐ-STC ngày 15/4/2022 của Giám đốc Sở Tài chính về việc thanh tra tình hình quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước và nguồn thu khác tại Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Thuận Nam.

Xét Báo cáo số 38/BC-ĐTT ngày 06/7/2022 của Đoàn Thanh tra về Kết quả thanh tra tình hình quản lý, sử dụng nguồn ngân sách, nguồn thu khác tại Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Thuận Nam năm 2020, 2021.

Xét Văn bản số 270/TTPTQĐ ngày 08/7/2022 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Thuận Nam v/v giải trình nội dung Biên bản Thanh tra.

Giám đốc Sở Tài chính kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

I. Tổng quan về Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Thuận Nam (gọi tắt là Trung tâm)

Trung tâm được thành lập theo Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận, trực thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Thuận Nam, có chức năng tạo lập, phát triển, quản lý, khai thác quỹ đất; tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất; tư vấn xác định giá đất và thực hiện các dịch vụ khác trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn huyện Thuận Nam;

Trung tâm là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, được giao quyền tự chủ tại Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện Thuận Nam về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2019-2021; Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Trung tâm được UBND huyện giao 05 chỉ tiêu biên chế sự nghiệp năm 2020, 2021 tại Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 về việc giao biên chế sự nghiệp (số người làm việc) tại các đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên hoặc đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc Ủy ban nhân dân huyện năm 2021. Ngoài ra, do yêu cầu về tiến độ công việc nên Trung tâm đã chủ động tuyển dụng và ký kết hợp đồng lao động với 08 lao động.

Tổng số biên chế và người lao động hiện có mặt tại Trung tâm là 12 người. Trong đó biên chế hiện có 04 người và 08 Hợp đồng lao động. Về công tác kế toán được Trung tâm bố trí 01 người phù hợp công tác chuyên môn theo quy định.

Trụ sở Trung tâm đặt tại Khu Trung tâm hành chính huyện Thuận Nam.

II. Về công tác tài chính - kế toán

Trung tâm áp dụng chế độ tài chính, tổ chức công tác kế toán, thống kê và báo cáo quyết toán theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 22/7/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận Ban hành mức chi và quyết toán 2% chi phí thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 64/2016/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 64/2016/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận. Hằng năm đều có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể tại đơn vị.

B. KẾT QUẢ THANH TRA, XÁC MINH

I. Tình hình thu – chi các nguồn kinh phí:

1. Kinh phí ngân sách cấp:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Năm 2020	Năm 2021
I	**Tổng thu**	**1.712.504.939**	**325.359.226**
1	*Thu kết dư*	*156.546*	*156.546*
	- Kinh phí không thường xuyên (CCTL)	156.546	156.546
2	*Kinh phí thường xuyên cấp trong năm*	*350.680.000*	*299.230.000*
3	*Kinh phí không thường xuyên cấp trong năm*	*1.361.668.393*	*25.972.680*
	- Kinh phí dự án thao trường bắn Chà Bang	1.347.074.477	
	- Kinh phí tổ chức thực hiện bán đấu giá	14.593.916	25.972.680
II	**Tổng chi kinh phí ngân sách cấp**	**1.712.348.393**	**325.202.680**
1	*Chi kinh phí thường xuyên*	*350.680.000*	*299.230.000*
2	*Chi kinh phí không thường xuyên*	*1.361.668.393*	*25.972.680*
	- Hoàn trả ngân sách (DA thao trường bắn)	1.347.074.477	
	- Chi tổ chức thực hiện bán đấu giá	14.593.916	25.972.680
III	**Chênh lệch chuyển năm sau (KTX CCTL)**	**156.546**	**156.546**

2. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất (Chi tiết phụ lục 01):

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Năm 2020	Năm 2021
I	**Tổng thu**	**259.467.728.332**	**94.130.407.259**
1	Thu kết dư năm trước chuyển sang	23.350.802.195	17.804.311.855
	Thu theo đơn đặt hàng	11.086.869.151	11.281.432.200
	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ	12.148.275.477	6.501.854.116
	Thu tiền lãi	115.657.567	21.025.539
2	Thu phát sinh trong năm	236.116.926.137	76.326.095.404
	Thu theo đơn đặt hàng	105.737.173.022	31.795.324.860
	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ	130.358.727.576	44.518.835.539
	Thu tiền lãi	21.025.539	11.935.005
II	**Tổng chi**	**184.768.838.937**	**51.926.619.469**
1	Chi theo đơn đặt hàng	50.108.512.154	5.761.147.718
2	Chi từ hoạt động cung cấp dịch vụ	134.544.669.216	46.165.471.751
3	Chi tiền lãi	115.657.567	
III	**Hoàn trả**	**56.894.577.540**	**30.690.603.827**
IV	**Kết dư**	**17.804.311.855**	**11.513.183.963**
1	Nhà nước đơn đặt hàng	11.281.432.200	7.184.629.435
2	Hoạt động cung cấp dịch vụ	6.501.854.116	4.295.593.984
3	Tiền lãi	21.025.539	32.960.544

3. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền
A	**Năm 2020**	
I	**Tổng thu**	**6.230.903.846**
1	*Thu kết dư năm trước chuyển sang*	*323.490.554*
	Thu theo đơn đặt hàng	9.292.662
	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ	314.197.892
	Thu tiền lãi	0
2	*Thu phát sinh trong năm*	*5.907.413.292*
	Thu theo đơn đặt hàng	2.157.820.056
	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ	3.749.453.707
	Thu tiền lãi	139.529

II	**Tổng chi**	**4.762.043.611**
1	*Chi theo đơn đặt hàng*	*1.990.478.297*
-	Lương và các khoản bảo hiểm	531.577.875
-	Vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	6.500.000
-	Khấu hao TSCĐ, công cụ dụng cụ	28.980.368
-	Hoạt động khác liên quan đến DA	582.238.687
-	Hoàn trả	841.181.367
2	*Chi từ hoạt động cung cấp dịch vụ*	*2.771.565.314*
-	Lương và các khoản bảo hiểm	142.470.449
-	Hoạt động khác liên quan đến DA	604.048.656
-	Trích 5% thuế TNDN phải nộp	138.571.298
-	Trích 5% thuế GTGT phải nộp	138.571.298
-	Quản lý tài khoản	264.000
-	Trích lập các quỹ	1.747.639.613
III	**Kết dư**	**1.468.860.235**
1	Nguồn đơn đặt hàng	176.634.421
2	Nguồn hoạt động cung cấp dịch vụ	1.292.225.814
B	**Năm 2021**	
I	**Tổng thu**	**3.764.238.502**
1	*Thu kết dư năm trước chuyển sang*	*1.468.860.235*
	Thu theo đơn đặt hàng	176.634.421
	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ	1.292.225.814
	Thu tiền lãi	
2	*Thu phát sinh trong năm*	*2.295.378.267*
	Thu theo đơn đặt hàng	339.499.059
	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ	1.955.756.963
	Thu tiền lãi	122.245
II	**Tổng chi**	**3.057.921.819**
1	*Chi theo đơn đặt hàng*	*497.693.818*
-	Lương và các khoản bảo hiểm	231.845.913
-	Hoạt động khác liên quan đến DA	265.847.905
2	*Chi từ hoạt động cung cấp dịch vụ*	*2.560.228.001*
-	Lương và các khoản bảo hiểm	339.243.195
-	Vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	18.050.000
-	Khấu hao TSCĐ, công cụ dụng cụ	28.613.100

-	Hoạt động khác liên quan đến DA	624.972.670
-	Trích 5% thuế TNDN phải nộp	124.693.787
-	Trích 5% thuế GTGT phải nộp	124.693.787
-	Hoàn trả	37.616.894
-	Trích lập các quỹ	1.262.344.568
III	**Kết dư**	**706.316.683**
1	Nguồn đặt hàng	18.439.662
2	Nguồn hoạt động cung cấp dịch vụ	687.877.021

II. Tình hình chấp hành chế độ tài chính, sổ sách kế toán, chứng từ kế toán, công khai tài chính, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ:

1. Về sổ sách, chứng từ kế toán: Qua kiểm tra đối chiếu các chứng từ, sổ sách kế toán phản ánh ghi chép đầy đủ rõ ràng đúng khớp số liệu báo cáo tài chính.

2. Việc thực hiện công khai tài chính: Tất cả các khoản thu và nội dung chi được Trung tâm công khai chi tiết, rõ ràng, điều này thể hiện tính minh bạch trong quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí tại Trung tâm. Tuy nhiên, việc công khai chưa đúng theo biểu mẫu quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 61/2017/TT-BTC.

3. Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ:

Năm 2020, 2021 Trung tâm có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ. Quy chế xây dựng nội dung và định mức chi tiêu chi tiết, rõ ràng được phòng Tài chính – Kế hoạch huyện thẩm định và có sự thống nhất của UBND huyện Thuận Nam (tại Công văn 294/UBND-KT ngày 13/02/2020 và Công văn số 216/UBND-KT ngày 26/01/2021). Theo quy định tại Khoản 3, Điều 17 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác: *"Đơn vị có trách nhiệm xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, gửi cơ quan quản lý cấp trên. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Quy chế, trường hợp có quy định không phù hợp với quy định của pháp luật, cơ quan quản lý cấp trên có ý kiến bằng văn bản yêu cầu đơn vị điều chỉnh lại cho phù hợp.*

Sau thời hạn nêu trên, nếu cơ quan quản lý cấp trên không có ý kiến, đơn vị triển khai thực hiện theo quy chế, đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi, giám sát thực hiện, Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để làm căn cứ kiểm soát chi". Như vậy, việc có ý kiến thống nhất bằng văn bản của UBND huyện đối với Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị thuộc UBND huyện quản lý là không đúng quy định của pháp luật.

Mặt khác, Quy chế của Trung tâm đang áp dụng (năm 2020, 2021) vẫn còn một số nội dung chưa phù hợp với quy định hiện hành, cụ thể:

- Tại *"Điều 14. Chế độ khấu hao máy móc thiết bị"*, Trung tâm đã xây dựng tỷ lệ trích khấu hao tài sản cố định là 4% trên tổng giá trị công trình là không có cơ sở.

- Tại *"Điều 15, khoản a. Chi tiếp khách trong nước thực hiện theo Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính"* mà không áp dụng Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại tỉnh, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận là chưa phù hợp, do đó dẫn đến tình trạng chi tiếp khách chưa đúng đối tượng.

III. Tình hình quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất:

Trong năm 02 năm, tổng kinh phí đã tiếp nhận: 7.647.222.078 đồng (đã trừ kinh phí hoàn trả cho chủ đầu tư, số tiền: 878.798.261 đồng). Doanh thu trong 02 năm: 6.940.905.395 đồng (năm 2020: 3.920.722.715 đồng; năm 2021: 3.020.182.680 đồng). Số dư đến cuối năm 2021 (do chủ đầu tư chuyển trước cho Trung tâm) được tiếp tục chuyển sang năm sau theo dõi, với số tiền: 706.316.683 đồng (Chi tiết Phụ lục số 02).

Đối với chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, qua thanh tra cho thấy Trung tâm chưa thực hiện phân bổ chi phí chung theo quy định Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất: *"Đối với trường hợp tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường được giao thực hiện đồng thời nhiều dự án, tiểu dự án mà các chi phí chung không tách bạch theo dõi riêng cho từng dự án, tiểu dự án thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường tập hợp toàn bộ chi phí chung trong năm tài chính để phân bổ cho từng dự án, tiểu dự án…"*. Do đó, qua thanh tra xác định và phân bổ chi phí cho từng dự án theo quy định tại Thông tư 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (Chi tiết Phụ lục 03 và Phụ lục 04).

Việc quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường Trung tâm thực hiện theo dự toán đã được phê duyệt. Tuy nhiên, vẫn còn một số nội dung chi chưa đảm bảo theo quy định (Chi tiết Phụ lục số 05 và Phụ lục số 06), cụ thể như sau:

- Chi công tác phí khoán: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận: *"Đối với cán bộ cấp xã thường xuyên phải đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng; cán bộ thuộc các cơ quan, đơn vị còn lại phải thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng (như: văn thư; kế toán giao dịch; cán bộ kiểm lâm đi kiểm tra rừng và các nhiệm vụ phải thường xuyên đi công tác lưu động khác); thì tùy theo đối tượng, đặc điểm công tác và khả năng kinh phí, thủ trưởng cơ quan, đơn vị*

quy định mức khoán tiền công tác phí theo tháng cho người đi công tác lưu động để hỗ trợ tiền gửi xe, xăng xe theo mức không quá 400.000 đồng/người/tháng và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị". Tuy nhiên, Trung tâm thực hiện chi khoán 400.000 đồng/tháng nhưng chứng từ thanh toán chưa thể hiện rõ nội dung, địa điểm được cử đi công tác để chứng minh thực tế công tác lưu động trên 10 ngày/tháng là chưa đảm bảo quy định trên, số tiền 102.800.000 đồng (năm 2020: 49.200.000 đồng; năm 2021: 53.600.000 đồng).

- Chi tiền xăng xe: Trong 02 năm Trung tâm cung cấp 08 chứng từ mua xăng, tổng số tiền: 51.744.590 đồng (năm 2020, có 04 chứng từ: 18.879.640 đồng; năm 2021, có 04 chứng từ: 32.864.950 đồng). Trong đó: 07 hóa đơn mua xăng tại Cửa hàng xăng dầu Bửu Sơn (đường 21 tháng 8, phường Phước Mỹ) và 01 hóa đơn mua xăng tại Cửa hàng xăng dầu Nhị Hà. Qua kiểm tra chứng từ nhận thấy Trung tâm hỗ trợ xăng xe thực tế cho các đối tượng là cán bộ xã tham gia thực hiện dự án là chưa phù hợp theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 22/7/2009. Theo Quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 22/7/2009 quy định: "Chi xăng xe: 3lít/100km (được thanh toán theo km thực tế đi công tác)". Tuy nhiên, không có chứng từ xác nhận số km thực tế. Theo giải trình thì Trung tâm cho phép viên chức, người lao động thực hiện dự án được ghi nợ tiền xăng tại cây xăng để hỗ trợ xăng trực tiếp tham gia dự án, tuy nhiên điều này không phù hợp với quy định.

- Chi tiếp khách: Trung tâm chi tiếp khách số tiền: 63.262.000 đồng (năm 2020: 43.224.000 đồng; năm 2021: 20.038.000 đồng), tuy nhiên đối tượng được mời cơm của Trung tâm là Chủ đầu tư dự án, cán bộ, chuyên viên các phòng ban cấp huyện, cấp tỉnh, cấp xã đến làm việc là chưa đúng quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều 4 Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại tỉnh, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Chi mua văn phòng phẩm: Theo quy chế của Trung tâm (tại Điều 11) *"...; theo dõi việc nhập kho, xuất kho theo thực tế; giám sát chặt chẽ việc sử dụng, xác định lượng tồn để điều chỉnh mức dự trù cho kỳ sau trên cơ sở sử dụng tiết kiệm và hiệu quả."*. Qua kiểm tra điển hình một vài hóa đơn và sổ theo dõi văn phòng phẩm năm 2020 cho thấy Trung tâm có mua nhưng không nhập sổ theo dõi văn phòng phẩm tương ứng số tiền 4.731.000 đồng (hóa đơn số 0074809 ngày 05/10/2020; hóa đơn số 0027138 ngày 4/9/2020; hóa đơn số 0077476, ngày 23/11/2020).

IV. Tình hình xác định kết quả hoạt động dịch vụ; trích lập và sử dụng các quỹ; quản lý và sử dụng tài sản công; trích lập và sử dụng nguồn cải cách tiền lương; thực hiện nghĩa vụ ngân sách nhà nước: (Chi tiết phụ lục 6)

1. Thanh tra việc trích lập và sử dụng các quỹ:

Trung tâm thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP về phân phối kết quả tài chính trong năm, tuy nhiên qua thanh tra cho thấy Trung tâm chưa thực hiện việc trích lập

40% cải cách tiền lương theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Thông tư số 46/2019/TT-BTC: *"...Đối với số thu dịch vụ, các hoạt động liên doanh liên kết và các khoản thu khác: sử dụng tối thiểu 40% số thu từ các hoạt động trên sau khi trừ các chi phí trực tiếp đã tính vào giá dịch vụ cho các hoạt động này và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định*" là chưa đúng quy định.

Qua thanh tra xác định lại việc trích lập các quỹ sau khi đã thực hiện trích lập 40% cải cách tiền lương theo chi tiết tại phụ lục số 07.

2. Thanh tra việc quản lý và sử dụng tài sản công:

Trung tâm không có trụ sở riêng, do đó không xây dựng quy chế quản lý tài sản, chỉ theo dõi tài sản là máy móc phục vụ công tác chuyên môn (máy vi tính, máy photocopy). Thực hiện mở sổ và theo dõi tăng giảm, trích hao mòn/khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Kết quả qua thanh tra như sau:

- Năm 2020: Thực hiên đúng quy định;

- Năm 2021, còn một số sai sót sau:

+ Mua 1 máy vi tính trị giá 10,35 triệu đồng phản ánh vào công cụ, dụng cụ là chưa đúng theo quy định tại khoản 1 điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC (tài sản có nguyên giá trên 10 triệu đồng và thời gian sử dụng trên 1 năm);

+ Một số tài sản đã hết khấu hao/hao mòn, qua kiểm kê cuối năm 2021 xác định hỏng (máy vi tính, máy photocopy, bàn họp…) nhưng chưa làm thủ tục thanh lý theo quy định, tổng nguyên giá 84.856.363 đồng.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì: *"Số tiền trích khấu hao đối với tài sản cố định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị"*. Do đó, Trung tâm phải thực hiện hạch toán bổ sung vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp tổng số tiền 52.895.550 đồng (2020: 24.282.450 đồng; 2021: 28.613.100 đồng).

3. Thanh tra việc lập và sử dụng nguồn cải cách tiền lương:

Nguồn cải cách tiền lương các năm trước chuyển sang đầu năm 2020 số tiền 651.101.017 đồng (nguồn phí được để lại: 6.678.845 đồng; nguồn hoạt động dịch vụ: 643.337.673 đồng; nguồn khác: 1.084.499 đồng).

Trong 2 năm 2020, 2021 Trung tâm không thực hiện việc trích lập nguồn cải cách tiền lương. Qua thanh tra xác định lại nguồn cải cách tiền lương phải trích lập bổ sung trong 2 năm theo quy định tại Điểm b, khoản 3 Điều 3 Thông tư số 46/2019/TT-BTC, tổng số tiền là: 1.203.993.676 đồng, cụ thể:

- Năm 2020: 1.747.639.622 đồng * 40% = 699.055.849 đồng;

- Năm 2021: 1.262.344.568 đồng * 40% = 504.937.827 đồng.

4. Thanh tra thực hiện nghĩa vụ NSNN:

Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên có hoạt động dịch vụ nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, thực hiện kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Khoản 5 Điều 3 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp:

"Đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác không phải là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp có hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp mà các đơn vị này xác định được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh thì kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ, cụ thể như sau:

+ Đối với dịch vụ (bao gồm cả lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay): 5%.

+ ...".

Do đặc thù của Trung tâm thực hiện dịch vụ phục vụ việc giải phóng mặt bằng cho các công trình thường kéo dài nhiều năm, do đó doanh thu hàng năm trên Báo cáo quyết toán chỉ là doanh thu tạm tính trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành từ hoạt động trong năm và số thuế phải nộp phát sinh trong năm trên báo cáo quyết toán cũng chỉ là số tạm tính; theo báo cáo quyết toán trong 2 năm, Trung tâm thực hiện hạch toán thuế GTGT và thuế TNDN phải nộp theo tỷ lệ 10%/doanh thu tạm tính hàng năm cho 2 loại thuế.

Sau khi hoàn thành công trình, trung tâm thực hiện xuất hóa đơn cho khách hàng, thực hiện báo cáo và nộp thuế hàng quý theo quy định cho cơ quan thuế.

Qua thanh tra xác định lại, Trung tâm phải thực hiện việc xuất hóa hơn của khối lượng hoàn thành đã xác định doanh thu trong năm, kê khai và nộp thuế theo quy định. Số tiền thuế phát sinh trong 2 năm phải nộp tổng số tiền là 526.530.161 đồng (năm 2020: 277.142.587 đồng, năm 2021: 249.387.574 đồng).

Chi tiết thực hiện nghĩa vụ NSNN như sau:

- Năm trước chuyển sang: 308.025.444 đồng;
- Số phát sinh trong 2 năm: 526.530.161 đồng;
- Số đã nộp trong 2 năm: 197.491.928 đồng;
- Số còn phải nộp: 637.063.677 đồng.

C. KẾT LUẬN

I. Ưu điểm:

Việc thực hiện cơ chế tự chủ đảm bảo một phần chi thường xuyên, mặc dù gặp nhiều khó khăn về tổ chức bộ máy, nhân sự, cơ chế tài chính, nhưng với sự nỗ lực của Ban Giám đốc, viên chức và người lao động Trung tâm đã tạo nguồn thu tương đối ổn định, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Thực hiện

tốt các chính sách cho người lao động, chấp hành tốt nghĩa vụ thuế, góp phần phát triển kinh tế, xã hội.

Trong 02 năm Trung tâm đã có nhiều cố gắng trong thực hiện nhiệm vụ được giao, hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của các dự án trên địa bàn huyện, chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ kịp thời cho các hộ dân và các tổ chức theo quy định, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà. Việc quản lý, sử dụng nguồn ngân sách cấp đúng chế độ tài chính – kế toán hiện hành, việc mua sắm tài sản thực hiện theo quy định hiện hành, chứng từ, sổ sách kế toán phản ánh ghi chép đầy đủ rõ ràng đúng khớp số liệu báo cáo tài chính.

II. Tồn tại, hạn chế:

1. Việc thực hiện công khai tài chính: Trung tâm công khai chưa đúng theo biểu mẫu quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2.Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ:

Hàng năm, Trung tâm có ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, nhưng nội dung Quy chế vẫn còn một số tồn tại sau:

- Trung tâm đã xây dựng tỷ lệ trích khấu hao tài sản cố định là 4% trên tổng giá trị công trình là không có cơ sở;

- Đối với chế độ tiếp khách Trung tâm chưa căn cứ quy định của tỉnh để xây dựng quy chế, do đó dẫn đến tình trạng tiếp khách không đúng đối tượng.

3.Tình hình quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất:

Chi công tác phí khoán: Trung tâm thực hiện chi khoán 400.000 đồng/tháng khi chứng từ thanh toán chưa chứng minh đủ điều kiện đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng là chưa đúng quy định, số tiền 102.800.000 đồng (năm 2020: 49.200.000 đồng; năm 2021: 53.600.000 đồng).

Chi hỗ trợ xăng xe cho viên chức và người lao động của Trung tâm và cán bộ xã tham gia phối hợp là chưa đúng quy định, số tiền: 51.744.590 đồng (năm 2020: 18.567.890 đồng; năm 2021: 32.864.950 đồng).

Chi tiếp khách: Trung tâm chi tiếp khách không đúng đối tượng quy định, số tiền: 63.262.000 đồng (năm 2020: 43.224.000 đồng; năm 2021: 20.038.000 đồng).

Chi mua văn phòng phẩm: Trung tâm không nhập sổ theo dõi văn phòng phẩm, số tiền 4.731.000 đồng là không đúng quy định (Hóa đơn số 0074809 ngày 05/10/2020; Hóa đơn số 0027138 ngày 4/9/2020; Hóa đơn số 0077476, ngày 23/11/2020).

4. Việc trích lập và sử dụng các quỹ:

Trung tâm đã thực hiện việc trích lập các quỹ khi chưa trích lập 40% cải cách tiền lương là chưa đúng. Qua thanh tra, đã tính toán lại việc trích lập các quỹ chi tiết theo Phụ lục số 07.

5. Việc quản lý và sử dụng tài sản công:

- Năm 2021, Trung tâm mua sắm tập trung 01 máy vi tính trị giá 10,35 triệu đồng nhưng phản ánh vào công cụ, dụng cụ là chưa đúng quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC;

- Chưa lập thủ tục thanh lý theo quy định đối với một số tài sản đã hết khấu hao/hao mòn qua kiểm kê cuối năm 2021 đã xác định hỏng (máy vi tính, máy photocopy, bàn họp…), tổng nguyên giá 84.856.363 đồng;

- Trung tâm chưa hạch toán bổ sung vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp tổng số tiền 52.895.550 đồng (2020: 24.282.450 đồng ; 2021: 28.613.100 đồng).

6. Việc lập và sử dụng nguồn cải cách tiền lương: Trong 2 năm 2020, 2021 Trung tâm không thực hiện việc trích lập 40% để thực hiện việc tạo nguồn cải cách tiền lương tổng số tiền 1.203.993.676 đồng.

III. Nguyên nhân, trách nhiệm:

1. Nguyên nhân:

- Trung tâm triển khai thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư rất nhiều dự án khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện, song cán bộ, viên chức của Trung tâm quá ít so với khối lượng công việc được giao, Lãnh đạo của Trung tâm còn thiếu nên chỉ tập trung vào công tác chuyên môn, chưa chỉ đạo sâu sát, kịp thời đối với công tác quản lý tài chính – tài sản.

- Đối với công tác tài chính – kế toán: Chưa nghiên cứu kỹ các quy định về chính sách, chế độ để áp dụng thực hiện trong công tác tham mưu; chưa hướng dẫn cụ thể về hóa đơn, chứng từ khi thanh toán các chế độ có liên quan cho người lao động.

2. Trách nhiệm:

Những hạn chế, sai sót nêu trên trách nhiệm chính thuộc về Giám đốc và cán bộ làm công tác tài chính kế toán tại Trung Tâm.

D. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. Đối với Trung tâm:

1. Kiến nghị xử lý tài chính:

a) Thu hồi nộp ngân sách nhà nước đối với các khoản sai phạm, số tiền: 56.475.590 đồng, cụ thể:

- Xăng xe không đúng quy định, số tiền: 51.744.590 đồng.

- Mua văn phòng phẩm không nhập kho, số tiền 4.731.000 đồng.

b) Kê khai và nộp thuế GTGT và thuế TNDN, số tiền: 637.063.677 đồng.

2. Kiến nghị xử lý khác:

a) Trích lập bổ sung nguồn cải cách tiền lương trong 2 năm, tổng số tiền: 1.203.993.676 đồng.

Hạch toán bổ sung nguồn trích khấu hao tài sản vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định và điều chỉnh giảm nguồn trích lập các quỹ trong năm 2022 và các năm tiếp theo như sau:

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: trích lập bổ sung từ nguồn khấu hao tài sản, số tiền 52.895.550 đồng (2020: 24.282.450 đồng; 2021: 28.613.100 đồng);

- Điều chỉnh giảm Quỹ bổ sung thu nhập, số tiền:1.104.805.709 đồng (năm 2020: 669.967.982 đồng; năm 2021: 434.837.727 đồng);

- Điều chỉnh giảm Quỹ phúc lợi, khen thưởng, số tiền: 152.083.517 đồng (năm 2020: 53.370.317 đồng; năm 2021: 98.713.200 đồng).

b) Điều chỉnh hạch toán tăng tài sản do hạch toán nhầm năm 2021 (máy vi tính) 10.350.000 đồng, theo dõi trích hao mòn/khấu hao theo quy định. Đối với công cụ, dụng cụ nếu trong năm mua giá trị lớn mà hạch toán hết vào chi phí sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động thì tiến hành phân bổ dần theo quy định. Đối với tài sản bị hư hỏng không sử dụng được, đề nghị lập tổ thanh lý tài sản theo quy định; số tiền thu hồi được (nếu có) đưa vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

c) Đề nghị Trung tâm lập bảng phân bổ chi phí chung trong năm cho từng dự án, tiểu dự án (kèm toàn bộ chứng từ chi phí chung phát sinh trong năm) đối với các dự án, tiểu dự án mà các chi phí chung không tách bạch theo dõi riêng cho từng dự án, tiểu dự án theo đúng tinh thần tại Điểm a Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

d) Đề nghị tổ chức kiểm điểm các cá nhân có liên quan đối với các sai phạm, cụ thể: Thanh toán công tác phí khoán số tiền 102.800.000 đồng, chi tiếp khách số tiền: 63.262.000 đồng. Đồng thời khắc phục những sai sót đã nêu trên, tổ chức thực hiện đúng quy định trong việc thanh toán công tác phí khoán và chi tiếp khách.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ký kết luận thanh tra, đề nghị Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Thuận Nam thực hiện việc công khai Kết luận thanh tra này dưới hình thức niêm yết tại trụ sở của Trung tâm theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị xử lý qua thanh tra gửi về Sở Tài chính (thông qua Thanh tra Sở) chậm nhất 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra.

II. Đối với phòng Tài chính – Kế hoạch huyện:

Tổ chức họp kiểm điểm rút kinh nghiệm: Chưa tham mưu kịp thời để điều chỉnh giao tự chủ tài chính giai đoạn 2019 – 2021 đối với đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

III. Đối với UBND huyện Thuận Nam:

Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Thuận Nam là đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, được giao quyền tự chủ giai đoạn 2019-2021 theo Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện Thuận Nam. Trong 3 năm từ năm 2019 đến năm 2021, Trung tâm được NSNN cấp kinh phi để chi trả lương theo biên chế được giao. Tuy nhiên, theo quy

định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 145/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì Trung tâm có mức tự đảm bảo chi thường xuyên đều lớn hơn 100%. Do đó, việc giao tự chủ một phần chi thường xuyên đối với Trung tâm là chưa phù hợp. Đề nghị UBND huyện xem xét trách nhiệm trong việc thẩm định giao quyền tự chủ cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Thuận Nam giai đoạn 2019-2021./.

***Nơi nhận*:**
- UBND tỉnh;
- Thanh tra Bộ Tài chính;
- Thanh tra tỉnh; } bc
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- UBND huyện Thuận Nam;
- Giám đốc Sở Tài chính;
- Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Thuận Nam;
- Lưu: VT, NS, HSTT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH NINH THUẬN

Nguyễn Văn Nhựt